



Chọn từ thích hợp cho trong ngoặc đơn
để điền vào chỗ chấm trong đoạn văn sau:

KTUTS

Ai cũng khen bạn Minh, lớp trưởng lớp em, là con ngoan trò giỏi. Minh phụ giúp bố mẹ nhiều việc nhà, nhưng luôn luôn đi học đúng giờ, làm bài đầy đủ, chưa bao giờ để ai phiền trách điều gì. Cô chủ nhiệm lớp em thường bảo: “Minh là một học sinh có lòng Là học sinh giỏi nhất trường nhưng Minh không..... Minh giúp đỡ các bạn học kém rất nhiệt tình và có kết quả, khiến các bạn hay mặc cảm, nhất cũng dần dần thấy hơn vì học hành tiến bộ. Khi phê bình, nhắc nhở những bạn mắc khuyết điểm, Minh có cách góp ý rất chân tình, nên không làm bạn nào Lớp 4A chúng em rất về bạn Minh.

(Từ để chọn: tự tin, tự ti, tự trọng, tự kiêu, tự hào, tự ái)





Chọn từ ứng với mỗi nghĩa sau:

KTUTS

NGHĨA

Một lòng một dạ gắn bó với lý tưởng,
tổ chức hay với người nào đó.

Trước sau như một, không gì
lay chuyển nổi.

Một lòng một dạ vì việc nghĩa.

Ăn ở nhân hậu, thành thật,
trước sau như một.

Ngay thẳng, thật thà.

TỪ

trung thành

trung hậu

trung kiên

trung thực

trung nghĩa



Xếp các từ ghép dưới đây thành hai nhóm
dựa theo nghĩa của tiếng **“trung”**

KTUTS

trung bình, trung thành, trung nghĩa,
trung thực, trung thu, trung hậu,
trung kiên, trung tâm



Trung có nghĩa là
“ở giữa”



Trung có nghĩa là
“một lòng một dạ”